TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH THỨC KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ThS. THÁI HỒNG ĐỨC (*)

Tóm tắt: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực chính trị là hệ thống quan điểm toàn diện về những vấn đề cơ bản từ vị trí, vai trò, tính tất yếu, mục đích, ý nghĩa; lực lượng, nội dung, phương pháp, cách thức kiểm soát quyền lực chính trị đến vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị, trách nhiệm của Nhân dân đối với công tác này. Đó là sự kế thừa, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về công tác kiểm tra, kiểm soát vào thực tiễn việc kiểm soát quyền lực chính trị ở Việt Nam góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội. Bài viết tập trung làm rõ những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về cách thức kiểm soát quyền lực chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Từ khóa: *Đảng Cộng sản Việt Nam; Hồ Chí Minh; kiểm soát quyền lực chính trị*

1. Kiểm soát quyền lực chính trị từ "bên trong"

Theo Hồ Chí Minh, kiểm soát từ "bên trong" là cách kiểm soát trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị. Đối với mỗi cán bộ/đảng viên/người lãnh đạo, đây là sự kiểm soát tự thân, tự mình kiểm soát mình; đối với tổ chức, là sự kiểm soát của tập thể và cá nhân trong nội bộ của tổ chức đó.

Thứ nhất, kiểm soát bằng những quy định, quy chế, kỷ luật

Hồ Chí Minh là người sáng lập, lãnh đạo, rèn luyện các tổ chức cách mạng (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Dân tộc thống nhất, các đoàn thể nhân dân,...) và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Người cho rằng, một trong những nội dung quan trọng của quá trình đó chính là xây dựng và không ngừng điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện điều lệ, quy định, quy chế của tổ chức, hệ thống pháp luật của đất nước. Các quy định, quy chế, hệ thống pháp luật đóng vai trò là yếu tố điều chỉnh, kiểm soát nhận thức và hành động của tổ chức, cá nhân theo đúng tôn chỉ, mục đích, quy chuẩn được xác định bởi sự nghiệp cách mạng và chuẩn mực đời sống xã hội. Ở khía cạnh thực thi quyền lực chính trị, các quy định, quy chế, pháp luật giúp điều chỉnh, kiểm soát theo đúng chức năng, nhiệm vụ và tôn chỉ tối thượng là phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Các văn kiện thành lập Đảng năm 1930 đã xác lập những quy định cơ bản về tôn chỉ, "lệ vào Đảng". Ở phần quy định về kỷ luật, *Điều lệ vắn tắt* yêu cầu: "Bất cứ về vấn đề nào đảng viên đều phải hết sức thảo luận và phát biểu

(*) Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ý kiến, khi đa số đã nghị quyết thì tất cả đảng viên phải phục tùng mà thi hành"[1]. Quy định này chính là sự kiểm soát nhận thức và hoạt động của đảng viên bằng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Điều lệ Đảng (được thông qua tại Đại hội lần thứ II năm 1951 và Đại hội lần thứ III năm 1960) thể hiện dấu ấn rất lớn của Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng và thông qua. Đây chính là những quy chuẩn định hướng quá trình tổ chức đảng và đảng viên sinh hoạt, thực hiện chức năng, nhiệm vụ - vốn có liên quan rất nhiều đến yếu tố quyền lực chính trị, nhất là trong điều kiện Đảng trở thành đảng cầm quyền.

Điều lệ Đảng (do Đại hội lần thứ II thông qua) đã cập đến mục đích và tôn chỉ của Đảng Lao động Việt Nam, khẳng định: "Đảng Lao động Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc dân chủ tập trung và có kỷ luật rất nghiêm, kỷ luật tự giác. Dân chủ và kỷ luật của Đảng là cốt để giữ cho Đảng được thống nhất tư tưởng và hành động để tẩy trừ những khuynh hướng cơ hội, bè phái ra khỏi Đảng"[2]. Điều lệ Đảng cũng nhấn mạnh mục đích và tôn chỉ: Đảng phải chống bệnh cô độc, mệnh lệnh, quan liêu,...

Điều lệ Đảng (do Đại hội lần thứ III thông qua) quy định: Đảng Lao động Việt Nam "phải tích cực chống quan liêu, mệnh lệnh, bao biện làm thay là những biểu hiện xa rời quần chúng, nhất là trong hoàn cảnh Đảng lãnh đạo chính quyền"[3]; Đảng Lao động Việt Nam "tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có kỷ luật rất nghiêm minh. Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức căn bản của Đảng. Nội dung của nó là tập trung trên cơ sở dân chủ và dân chủ dưới sự lãnh đạo tập trung"[4].

Mục đích là phát huy và nâng cao tính tích cực cách mạng, tính sáng tạo của đông đảo đảng viên và các tổ chức của Đảng, bảo đảm sự thống nhất ý chí, hành động và gìn giữ kỷ luật của Đảng. "Đảng chống mọi hiện tượng phân tán, cục bộ, địa phương chủ nghĩa, tự do vô kỷ luật cũng như chống mọi hiện tượng tập trung quan liêu, sự vụ, gia trưởng, độc đoán, coi thường tập thể, coi thường cấp dưới[5]; "mỗi đảng viên không được kiêu ngạo, tự mãn..."[6]; đảng viên phải phục tùng nghiêm chỉnh kỷ luật của Đảng. Gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước và kỷ luật của các đoàn thể cách mạng của quần chúng mà mình tham gia.

Đây cũng là lần đầu tiên trong Điều lệ Đảng dành chương riêng để quy định về "Ủy ban kiểm tra các cấp", xác định rõ: "Nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp là: kiểm tra những vụ đảng viên làm trái điều lệ, kỷ luật của Đảng, trái với đạo đức cách mạng và pháp luật của Nhà nước; xử lý thư tố cáo và khiếu nại của đảng viên; căn cứ vào quyền hạn quy định ở chương X mà quyết định kỷ luật, chuẩn y hoặc xóa bỏ kỷ luật đối với đảng viên; kiểm tra tài chính của Đảng"[7].

Với quy định này, Ủy ban kiểm tra các cấp chính là cơ quan được định chế chuyên trách tham mưu và thực hiện kiểm soát quyền lực chính trị trong Đảng. Điều lệ Đảng cũng dành phần riêng với những quy định chi tiết về kỷ luật trong Đảng. Đây chính là quy định nền tảng, tạo "điểm tựa" cho thực hiện kiểm soát quyền lực chính trị trong Đảng.

Hồ Chí Minh coi kỷ luật là điều vô cùng cần thiết đối với một đảng chính trị, nhất là trong điều kiện đảng cầm quyền. Tầm quan trọng và tác dụng to lớn của việc thực hiện nghiêm kỷ luật - thống nhất tổ chức, điều chỉnh nhận thức và hành động, tạo ra sức mạnh để bảo đảm xứng đáng là Đảng chân chính cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, kỷ luật của Đảng phải được chú trọng từ xây dựng quy định đến thực hiện quy định và xử lý vi phạm. Người xem xây dựng quy định trong Đảng là căn cứ để "khép" cán bộ, đảng viên vào khuôn phép, tránh rơi vào tình trạng lung tung, bừa bãi.

Trong hoạt động của Nhà nước và quản lý xã hội, Hồ Chí Minh chú ý đến xây dựng và kiện toàn hệ thống pháp luật trên tinh thần "thượng tôn", "Trăm điều phải có thần linh pháp quyền"[8]. Sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, trên cương vị người lãnh đạo cao nhất, Hồ Chí Minh quan tâm ngay đến xây dựng, ban hành và thực thi

Hiến pháp. Qua 24 năm giữ cương vị Chủ tịch nước, dưới sự chỉ đạo và trực tiếp tham gia của Người, Nhà nước Việt Nam đã ban hành 02 bản hiến pháp (Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959), 16 đạo luật, trên 1.300 văn bản dưới luật với 243 sắc lệnh, quy định, điều chỉnh nhiều khía cạnh.

Tại Hội nghị Chính trị đặc biệt (ngày 27/3/1964), Người yêu cầu: "...Triệt để chấp hành mọi chế độ và pháp luật của Nhà nước"[9]. Pháp luật của ta là pháp luật dân chủ, phải nghiêm minh và phát huy hiệu lực thực tế. "Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì"[10]. Thực tiễn chỉ đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến việc xây dựng và kiện toàn hệ thống pháp luật, quy định, quy chế, kỷ luật của tổ chức, mà còn gương mẫu thực hiện nghiêm chỉnh.

Thứ hai, kiểm soát bằng tự phê bình và phê bình

Bên cạnh các cơ quan thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý, kỷ luật và thực thi pháp luật, việc kiểm soát quyền lực thông qua phát huy tinh thần tự phê bình và phê bình của mỗi cán bộ, đảng viên được Hồ Chí Minh rất xem trọng. Người chỉ rõ: "Còn ở trong Đảng, khi khai hội, các đảng viên nghe những người lãnh đạo báo cáo công việc, các đảng viên phê bình những khuyết điểm, cử hoặc không cử đồng chí nọ hoặc đồng chí kia vào cơ quan lãnh đạo. Đó là kiểm soát theo nguyên tắc dân chủ tập trung, phê bình và tự phê bình, những nguyên tắc mà Đảng phải thực hành triệt để"[11].

Trong đánh giá tư cách của một người, một Đảng, Hồ Chí Minh thường xét qua ba mối quan hệ: với mình, với người, với công việc. Tự phê bình là tự xét chính mình, phê bình là xét về người, cùng hướng đến thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ Đảng giao. Mục đích của tự phê bình và phê bình là "xét" ưu điểm, khuyết điểm của chính mình và của người khác để làm cho phần tốt trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi. Cơ sở tiêu chuẩn để "xét" là các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, đường lối, chủ trương của Đảng, các quy tắc đạo đức, hiệu quả thực hiện công việc,... Nói chung là lấy cái tốt, cái đúng làm căn cứ để soi xét, sửa đổi cái xấu, cái sai. Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển, là "vũ khí sắc bén" của Đảng.

Với mỗi đảng viên hay toàn Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến thái độ đối với khuyết điểm. Khuyết điểm là tất yếu nên biết nhận ra và dũng cảm thừa nhận, sửa chữa khuyết điểm là yêu cầu sống còn của một đảng cách mạng chân chính. Đó là chức năng của tự phê bình và phê bình. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Thang thuốc hay nhất *là thiết thực phê bình và tự phê bình*"[12].

Muốn tự phê bình và phê bình hiệu quả, Hồ Chí Minh yêu cầu phải có phương pháp và thái độ cho đúng. Tiến hành tự phê bình và phê bình phải thường xuyên như rửa mặt hàng ngày. Mỗi ngày mỗi "rửa" khuyết điểm, được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh tật mà Đảng sẽ mạnh khỏe vô cùng; phải thành khẩn, không được "giấu bệnh, sợ thuốc"; phải trung thực, không "đặt điều", "không thêm bớt"; phải kiên quyết, "ráo riết", không nể nang; "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau"; tự phê bình và phê bình "không phải để công kích, để nói xấu, để chửi rủa"[13], "không phải đập cho tơi bời", "chớ phê bình lung tung không chịu trách nhiệm".

Thứ ba, kiểm soát từ trên xuống và từ dưới lên

Hồ Chí Minh bàn đến cách lãnh đạo từ trên xuống và từ dưới lên, đồng thời cũng nói đến cách kiểm soát như vậy. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (năm 1947), ở Phần V - Cách lãnh đạo, mục 1. Lãnh đạo và kiểm soát, Hồ Chí Minh đề cập: "Kiểm soát có hai cách: Một cách là từ *trên xuống*. Tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình. Một cách nữa là từ *dưới lên*. Tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên"[14].

Theo Hồ Chí Minh, kiểm soát từ trên xuống tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình. Rộng hơn, đây

chính là sự kiểm soát của cấp trên đối với cấp dưới, bao gồm: người lãnh đạo đối với cán bộ, nhân viên thuộc quyền; tổ chức cấp trên với tổ chức cấp dưới thuộc quyền. Đề cập đến Đảng, Hồ Chí Minh hay nhấn mạnh yêu cầu kiểm soát cấp trên đối với cấp dưới; quy định rõ thẩm quyền xét duyệt của tổ chức đảng cấp trên đối với tổ chức đảng cấp dưới thuộc quyền. Đặc biệt, Người nhấn mạnh vai trò của Trung ương đối với tổ chức đảng cấp dưới, đến cả các chi bộ và mỗi đảng viên.

Đối với Nhà nước, Người bàn đến vai trò kiểm soát của Chính phủ Trung ương đối với toàn bộ hệ thống và của bộ máy chính quyền cấp trên đối với bộ máy chính quyền cấp dưới. Đề cập đến cá nhân người lãnh đạo, Người yêu cầu phải gắn liền giữa lãnh đạo, chỉ đạo với kiểm tra, giám sát việc thực hiện của cấp dưới, phải "nghiên cứu rõ ràng và xem xét kỹ lưỡng sự phát triển... trong những bộ phận đó", tránh giao việc rồi phó mặc. Theo Người, "Không thể gặp ai cũng phải đi kiểm tra. *Người lãnh đạo* phải tự mình làm việc kiểm tra, mới đủ kinh nghiệm và oai tín. Nhưng người lãnh đạo cần phải có một nhóm cán bộ nhiều kinh nghiệm và giàu năng lực để giúp mình đi kiểm tra. Ai đi kiểm tra việc gì, nơi nào nếu có sơ suất thì người ấy phải chịu trách nhiệm"[15].

Kiểm soát từ dưới lên có hai cấp độ: *Một là,* kiểm soát của người cán bộ cấp dưới đối với người lãnh đạo, của tổ chức cấp dưới đối với tổ chức cấp trên; *Hai là,* kiểm soát của quần chúng đối với người lãnh đạo. Cán bộ trong trường hợp một thường được hiểu là người làm việc trong hệ thống đã là đảng viên; quần chúng trong trường hợp hai thường được hiểu là người làm việc trong hệ thống chưa là đảng viên. Như vậy, chủ thể của cách kiểm soát từ dưới lên là cả người trong Đảng lẫn người chưa vào Đảng. Cấp dưới thực hiện kiểm soát đối với cấp trên thông qua thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, thông qua phê bình trong nguyên tắc tự phê bình và phê bình.

Kiểm soát từ trên xuống và kiểm soát từ dưới lên nhưng không tách biệt mà gắn bó chặt chẽ, tương hỗ cho nhau. Đây chính là hai mặt của một quá trình kiểm soát. Cấp trên kiểm soát xuống hay cấp dưới kiểm soát lên đều phải được định chế bằng những quy tắc, quy định với yêu cầu, nội dung, thẩm quyền, trách nhiệm,... rõ ràng. Đó phải là sự kiểm soát gắn liền với quy định, có tổ chức, nền nếp và kỷ luật.

Thứ tư, thông qua việc phát huy vai trò của các cơ quan chức năng

Kiểm soát quyền lực chính trị trong nội bộ tổ chức, bộ máy Đảng, Nhà nước còn được thực hiện bởi các cơ quan chức năng - ủy ban kiểm tra (hệ thống Đảng) và thanh tra (hệ thống Nhà nước) các cấp.

Hồ Chí Minh quan tâm xây dựng ủy ban kiểm tra và cơ quan thanh tra các cấp từ rất sớm, cả về tổ chức bộ máy lẫn các định chế. Điều đó xuất phát từ sự ý thức rất cao về tầm quan trọng của công tác kiểm tra, thanh tra do các cơ quan này chuyên trách thực hiện.

Người cho rằng: "Công việc của Đảng và Nhà nước ngày càng nhiều. Muốn hoàn thành tốt mọi việc, thì toàn thể đảng viên và cán bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng. Và muốn như vậy, thì các cấp ủy đảng phải tăng cường công tác *kiểm tra*. Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân. Do đó mà góp phần vào việc củng cố Đảng về tư tưởng, về tổ chức"[16]. Đối với công tác thanh tra, Người khẳng định: "Thanh tra là một nhiệm vụ vẻ vang và quan trọng; nó theo dõi, xem xét việc chấp hành đúng đắn đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Chính phủ"[17].

Hồ Chí Minh rất chú ý đến việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác nhằm hình thành khung "pháp lý" cho tổ chức và hoạt động ủy ban kiểm tra cũng như cơ quan thanh tra. Đại hội lần thứ II đã thông qua Điều lệ Đảng, xác định nhiệm vụ các ban kiểm tra:

"- Xem xét tư cách và cách làm việc của cán bộ, đảng viên, chống quan liêu, hủ hóa,

lạm dụng chức vụ;

- Kiểm tra cách thi hành dân chủ, gìn giữ kỷ luật ở các cấp, xét đơn khiếu nại của các đảng viên về các vụ thi hành kỷ luật ở các cấp dưới;

- Kiểm tra tài chính của Đảng;

- Giúp cấp ủy kiểm tra sự hoạt động của các cấp dưới"[18].

Điều lệ Đảng được thông qua tại Đại hội lần thứ III, xác định: "Nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp là: Kiểm tra những vụ đảng viên làm trái điều lệ, kỷ luật của Đảng, trái với đạo đức cách mạng và pháp luật của Nhà nước; xử lý thư tố cáo và khiếu nại của đảng viên; căn cứ vào quyền hạn quy định ở chương X mà quyết định kỷ luật, chuẩn y hoặc xóa bỏ kỷ luật đối với đảng viên; kiểm tra tài chính của Đảng"[19].

Đối với cơ quan thanh tra, Sắc lệnh số 64/SL ngày 23/11/1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời về *thành lập Ban Thanh tra đặc biệt* nêu rõ: Chính phủ sẽ lập ngay một Ban thanh tra đặc biệt, có ủy nhiệm là đi giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các Ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ...

Hồ Chí Minh cũng quan tâm nâng cao năng lực, hiệu quả làm việc của ủy ban kiểm tra và cơ quan thanh tra các cấp, xem đó là một trong những biện pháp quan trọng để việc kiểm soát tổ chức và cá nhân trong hệ thống được kịp thời và hiệu quả. Người nhiều lần yêu cầu: "Ủy ban kiểm tra các cấp cũng thấy rõ hơn trách nhiệm của mình, đã cố gắng trong việc giúp các cấp ủy giữ gìn kỷ luật của Đảng và đóng góp vào công tác xây dựng Đảng. Đó là những *ưu điểm* của các cán bộ kiểm tra. Nhưng vẫn còn những *nhược điểm* cần phải khắc phục"[20].

Người quan tâm căn dặn: "Các ủy ban và cán bộ kiểm tra phải học tập và thấm nhuần đường lối, quan điểm của Đảng, phải luôn luôn chú ý nâng cao khả năng chuyên môn, phải cố gắng công tác, phải trau dồi đạo đức cách mạng. Đặc biệt là phải nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật, phải thật thà phê bình và tự phê bình để làm gương mẫu trong việc chấp hành kỷ luật của Đảng. Phải chí công vô tư, không thiên vị, không thành kiến. Như thế thì mới làm tốt được công tác kiểm tra"[21].

Đối với cơ quan thanh tra, Hồ Chí Minh yêu cầu phải có sự quan tâm xây dựng, lãnh đạo: "Các ban thanh tra làm việc tốt, nhanh hay làm kém, chậm, trước hết là do bản thân mỗi ban cố gắng nhiều hay ít, nhưng còn do cấp lãnh đạo có quan tâm đến công tác thanh tra hay không. Các cấp lãnh đạo phải giúp đỡ các ban thanh tra làm việc tốt, phải quan tâm lãnh đạo công tác thanh tra"[22].

Người huấn thị: "Để hoàn thành nhiệm vụ thì tư tưởng và tác phong của cán bộ phải chuyển mạnh. Chúng ta phải kiên quyết chấp hành đúng đắn chính sách của Đảng và Chính phủ, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Ngành thanh tra phải như vậy, các ngành khác cũng phải như vậy"[23]. Tất cả nhằm mục tiêu bảo đảm nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm soát quá trình thực thi chức trách, nhiệm vụ của tổ chức và cá nhân trong hệ thống Đảng, Nhà nước.

2. Kiểm soát quyền lực chính trị từ "bên ngoài"

Kiểm soát quyền lực chính trị từ "bên ngoài" được hiểu là sự kiểm soát mà chủ thể tiến hành, yếu tố tác động đến từ bên ngoài "hệ thống chính trị".

Một là, dựa vào Nhân dân để kiểm soát quyền lực

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc phát huy quyền làm chủ, thực hiện việc giám sát của Nhân dân. Nhân dân là người đã "ủy quyền" của mình cho các cơ quan nhà nước, thì Nhân dân phải có quyền kiểm soát các quyền lực đó. Người đã chỉ ra nhiều hình thức khác nhau, như khai hội, phê bình và bày tỏ ý kiến, bầu cử các ủy ban, các hội đồng... "Ở quần chúng, khai hội, phê bình và bày tỏ ý kiến, bầu cử các ủy ban, các hội đồng, v.v.; đó là những cách quần chúng kiểm soát những người lãnh đạo"[24].

Trong các hình thức nhân dân kiểm soát quyền lực thì hình thức bầu cử giữ vai trò quan trọng. Đây là hình thức để nhân dân lao động thực hành quyền lực của mình, vừa là hình thức kiểm soát các cơ quan quyền lực trong thời kỳ

THƯ VIỆN BAN HỒ

chuyển giao. Nhân dân kiểm tra, kiểm soát quá trình bầu cử các cơ quan quyền lực nhà nước sẽ tránh được việc cán bộ lạm dụng quyền lực, có hành vi gian lận, mua chuộc dẫn đến bầu cử thiếu chính xác, mất dân chủ. Người khẳng định: "Phép luật là phép luật của nhân dân, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ lợi ích chung của đại đa số nhân dân"[25].

Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực thi quyền lực của các cơ quan nhà nước và khuyến khích nhân dân thực hiện công việc này. Người ví đó như "ngọn đèn pha" vừa để giúp cho việc lãnh đạo đúng đắn, vừa ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực của các cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước các cấp. "Có kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực và lực lượng to tát của nhân dân, mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời"[26].

Theo Người, "Những phần tử đầu cơ vào Đảng có sự đôn đốc kiểm tra của Đảng và nhân dân, sẽ bị lật ra và Đảng sẽ thành trong sạch, kiểu mẫu, thành tâm thành ý phụng sự nhân dân, cách mạng và tất cả các đảng viên mới thành người kiểu mẫu"[27].

Hai là, kiểm soát bằng sức mạnh đạo đức

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tha hóa quyền lực chính trị là sự suy thoái đạo đức cách mạng, sa vào chủ nghĩa cá nhân của cán bộ, đảng viên. Do vậy, giáo dục đạo đức cách mạng sao cho cán bộ, đảng viên là người cách mạng chân chính, vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân, là giải pháp quan trọng trước tiên.

Đạo đức cách mạng giúp người cách mạng phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện, hoàn thiện bản thân trong quá trình tham gia cách mạng. "Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước"[28]; "Có đạo đức cách mạng thì gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa"[29]. Đạo đức cách mạng có tác dụng giáo dục, nêu gương cho quần chúng noi theo làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới. Hồ Chí Minh thường dạy: "Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước"[30].

Tính toàn diện trong các chỉ dẫn của Hồ Chí Minh đối với Đảng, với cán bộ, đảng viên thể hiện ở chỗ không chỉ khéo giải đáp câu hỏi đó là gì, nhằm mục đích gì, ai phụ trách, mà còn ở trả lời câu hỏi bằng cách gì. Đây là logic phổ biến trong các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh nhằm lãnh đạo, rèn luyện tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên❑

---

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.7

(2) và (18) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.445 và 468

(3), (4), (5), (6), (7) và (19) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.21, Sđd, tr.781, 781, 781, 782, 807 và 807

(8) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.1, Sđd, tr.473

(9), (16), (20) và (21) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.14, Sđd, tr.285, 362, 362 và 363 - 364

(10) và (30) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.6, Sđd, tr.127 và 31

(11), (12), (13), (14), (15), (24) và (26) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, Sđd, tr.328, 302, 302, 328, 637, 328 và 636

(17) và (23) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.13, Sđd, tr.35 và 35 - 36

(22) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.12, Sđd, tr.504

(25) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.9, Sđd, tr.259

(27) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.8, Sđd, tr.60

(28) và (29) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.11, Sđd, tr.602 và 603